

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 162 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- BLĐVP;
- Các Phòng, Ban thuộc VP;
- Lưu: VT, THNV. 03

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hân



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022
của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**
(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI; Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, dịch bệnh trong chăn nuôi (dịch tả heo châu Phi, bệnh viêm da nổi cục ở bò...) lây lan nhanh, kéo dài, gây thiệt hại không nhỏ, biến đổi khí hậu tiếp tục tác động ảnh hưởng. Nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, sự tập trung chỉ đạo, điều hành, quyết liệt của UBND tỉnh, các ngành, các địa phương và sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh, nên kinh tế-xã hội của tỉnh năm 2021 đạt được một số kết quả nhất định, có 15/23 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch nhưng tăng so cùng kỳ; tình hình dịch bệnh COVID-19 cơ bản được kiểm soát, chuyển sang trạng thái bình thường mới, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với dịch bệnh.

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tiếp tục tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI. Dự báo năm 2022, còn nhiều khó khăn: kinh tế thế giới, trong nước chưa phục hồi mạnh sau tác động, ảnh hưởng của dịch COVID-19; dịch COVID-19 còn diễn biến phức tạp, biến thể mới (Omicron) của SARS-CoV-2 dự báo có thể lây lan nhanh hơn, nguy cơ tái nhiễm cao hơn các biến chủng khác, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch; ảnh hưởng của dịch bệnh tiếp tục tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh, tăng trưởng, việc làm và nhiều vấn đề xã hội khác trong khi nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút do tác động ảnh hưởng của dịch bệnh; thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi vẫn là nguy cơ tiềm ẩn.

Để phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh từ 10-11% trở lên so với năm 2021, cũng như các chỉ tiêu chủ yếu khác đã đề ra trong năm 2022, UBND tỉnh đề nghị các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố quán triệt phương châm hành động của Chính phủ năm 2022, phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ

vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2022 và Kế hoạch này.

I. QUẢN TRIỆT PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quản triệt, thực hiện phương châm hành động năm 2022: "*Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển*" và các trọng tâm chỉ đạo, điều hành, cụ thể:

1. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, biến thách thức thành cơ hội; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương; khắc phục hạn chế, yếu kém của năm 2021, nhất là các tồn tại, hạn chế kéo dài; thực hiện thành công toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, tạo nền tảng vững chắc để phát triển bền vững.

2. Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; kiên định thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân cùng với tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ hiệu quả người dân, doanh nghiệp. Xác định vắc-xin, thuốc chữa điều trị COVID-19 và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân là các yếu tố quyết định trong phòng, chống dịch.

3. Bám sát tình hình, tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy quá trình phục hồi, phát triển KTXH, trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương và duy trì động lực tăng trưởng trong dài hạn, tận dụng các động lực tăng trưởng mới, bền vững. Tập trung thực hiện 03 trọng tâm: khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh xuất khẩu; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động nguồn lực hợp tác công tư để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược. Kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế thực chất, hiệu quả. Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số và các mô hình kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số. Tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài nhiều năm.

4. Tiếp tục ưu tiên hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, gắn đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Chú trọng nguồn lực con người, phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

5. Bảo đảm an sinh xã hội, an dân, thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người có công, khôi phục và ổn định thị trường lao động, tạo việc làm, cơ cấu lại lực lượng lao động, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với

biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

6. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh. Chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Phụ lục I; các chỉ tiêu chủ yếu theo Phụ lục II, một số chỉ tiêu trong các ngành, lĩnh vực theo Phụ lục III; xây dựng, trình UBND tỉnh các đề án, kế hoạch, quyết định...(gọi chung là đề án) trong năm 2022 theo Phụ lục IV đảm bảo thời gian, chất lượng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

1.1. Trong tháng 01/2022, xây dựng, ban hành văn bản cụ thể triển khai thực hiện kế hoạch này, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện, **định kỳ hàng tháng, quý tổng hợp báo cáo lồng ghép trong báo cáo kinh tế-xã hội, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

1.3. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này, gửi Văn phòng UBND tỉnh trước ngày **10 tháng 11 năm 2022**, để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp báo cáo hàng tháng, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách nhà nước tại phiên họp UBND tỉnh hàng tháng để kịp thời có giải pháp tháo gỡ.

3. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương tổng kết thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đúng thời gian quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, các Sở, ngành, địa phương phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này trong các ngành, địa phương và nhân dân./.



Phụ lục I
THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Kèm theo Quyết định số 162 /QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
1.	Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển KTXH		
1.	Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể phòng, chống dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, phấn đấu tăng trưởng GRDP và GRDP bình quân đầu người đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2.	Triển khai nhất quán từ tỉnh đến cơ sở quy định về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp; tạo thuận lợi tối đa cho lưu thông hàng hóa, lao động trở lại sản xuất sau dịch bệnh.	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Y tế
3.	Triển khai nhanh việc tiêm vắc-xin cho trẻ em, tiêm mũi tăng cường đảm bảo khoa học, hiệu quả. Phát huy vai trò của mạng lưới y tế cơ sở, đội phản ứng nhanh, tổ hỗ trợ điều trị COVID-19, tổ COVID-19 cộng đồng.	Sở Y tế, UBND các huyện, TX, TP	Sở Y tế
4.	Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách nhà nước để tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở và thực hiện nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.	Sở Tài chính	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
5.	Thúc đẩy tiêu dùng nội địa, phấn đấu tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt kế hoạch đề ra. Tập trung theo dõi, phân tích, dự báo thị trường, kịp thời có giải pháp ứng phó, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho sản xuất. Phát triển mạnh thương mại điện tử; đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy xuất khẩu bền vững, tận dụng cơ hội từ thị trường có FTA. Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu.	Sở Công Thương, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Công Thương
6.	Tăng cường huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt kế hoạch đề ra. Lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt mọi nguồn lực hợp pháp của xã hội, nhất là thông qua hợp tác đối tác công tư. Thu hút chọn lọc nguồn lực đầu tư nước ngoài, tổ chức xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động tiếp cận, tìm hiểu, hỗ trợ các đối tác, chủ động phương án tạo mặt bằng sạch, hạ tầng kết nối, nhân lực... Chú trọng công tác đối thoại, xúc tiến đầu tư tại chỗ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND các huyện, TX, TP	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7.	Thực hiện tốt chính sách tiền tệ; khuyến khích tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng cho doanh nghiệp, người dân; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.	Chi nhánh NHNN	
8.	Quản lý chặt chẽ thu ngân sách; chống thất thu, nợ đọng thuế, chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại, phấn đấu tăng thu NSNN. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, thống nhất quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử từ ngày 01/7/2022.	Cục Thuế	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
9.	Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo dự toán giao. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách đã được giao trong dự toán đầu năm, nhưng chưa thực hiện phân bổ theo quy định. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chế độ cho lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch; điều chỉnh lương hưu trong năm 2022; trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.	Sở Tài chính	
10.	Tiết kiệm triệt để các khoản chi ngân sách, nhất là chi thường xuyên; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở Tài chính
2.	Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật		
11.	Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Các cơ quan chủ trì xây dựng văn bản QPPL	Sở Tư pháp
12.	Nâng cao chất lượng công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật theo định hướng chuyên đổi số; đẩy mạnh truyền thông chính sách pháp luật	Sở Tư pháp, UBND các huyện, TX, TP	Sở Tư pháp
13.	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp.	Sở Tư pháp, UBND các huyện, TX, TP	Sở Tư pháp
14.	Phục hồi, củng cố, vận hành thị trường lao động phù hợp với tiến trình phục hồi nền kinh tế, bảo đảm nguồn cung cầu lao động đối với các ngành, lĩnh vực. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết nối cung - cầu lao động; đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
15.	Thúc đẩy sự phát triển của thị trường KHCCN, hoạt động kết nối cung cầu công nghệ	Sở Khoa học và CN, các Sở, ngành có liên quan	Sở Khoa học và CN
16.	Phát triển nhà ở, thị trường bất động sản. Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về nhà ở, nhà ở công vụ, công sở.	Sở Xây dựng, UBND các huyện, TX, TP	Sở Xây dựng
17.	Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và CN	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP
18.	Đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp.	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Văn phòng UBND tỉnh
19.	Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển KTXH, thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch COVID-19. Khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo chủ trương của Đảng. Ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ
3.	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số		

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
20.	Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với năng lực và khả năng thực hiện của dự án; khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả trong chuẩn bị đầu tư, phân bổ vốn; tập trung tháo gỡ vướng mắc, tăng cường hiệu quả tổ chức thực hiện, phấn đấu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án quan trọng, chương trình mục tiêu quốc gia.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành là chủ đầu tư dự án, UBND các huyện, TX, TP	Sở Kế hoạch và Đầu tư
21.	Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp quan trọng; hỗ trợ các nhà máy duy trì và khôi phục sản xuất để giữ đơn hàng, chuỗi cung ứng	Sở Công Thương, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Công Thương
22.	Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực, theo ngành, lĩnh vực và cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng. Điều chỉnh kế hoạch sản xuất nông lâm thủy sản phù hợp với trạng thái bình thường mới và điều kiện thời tiết, dịch bệnh. Đẩy mạnh đổi mới hình thức tổ chức sản xuất gắn với chuỗi giá trị thông qua phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp có liên kết sản xuất với nông dân.	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nông nghiệp và PTNT
23.	Cơ cấu lại, phục hồi và phát triển một số ngành dịch vụ quan trọng đang bị tác động trực tiếp bởi dịch COVID-19 như: thương mại, dịch vụ, logistics, vận tải	Các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải	
24.	Tiếp tục có giải pháp thúc đẩy du lịch gắn với an toàn dịch bệnh; tăng cường truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch trên các nền tảng số và ứng dụng công nghệ mới.	Sở Văn hóa, TT và DL, UBND các huyện, TX, TP	Sở Văn hóa, TT và DL

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
25.	Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình xây dựng. Tăng cường kiểm soát, thanh tra, kiểm tra chất lượng công trình xây dựng, giảm thiểu sự cố, chống thất thoát, lãng phí.	Sở Xây dựng, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Xây dựng
26.	Tập trung tháo gỡ vướng mắc, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, tăng cường kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước. Triển khai hiệu quả Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 được ban hành tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND các các chính sách liên quan; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chuyển đổi số, công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu, phát triển KHCN và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị của vùng ĐBSCL và của quốc gia. Rà soát, sửa đổi (hoặc đề xuất Trung ương sửa đổi), hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể, HTX đáp ứng nhu cầu thực tiễn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Kế hoạch và Đầu tư
27.	Thực hiện thực chất, hiệu quả hơn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thu hút các nguồn lực, nhất là từ xu hướng tăng trưởng xanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Kế hoạch và Đầu tư
28.	Triển khai chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động	Sở Lao động-TB và XH	
29.	Tiếp tục xây dựng, triển khai hiệu quả, có trọng điểm các chương trình KHCN, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa	Sở Khoa học và CN	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
30.	Đẩy mạnh thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/ 2021 của Thủ tướng Chính phủ và quy định có liên quan. Lựa chọn thời điểm, phương thức thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn phù hợp, hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh thất thoát vốn, tài sản nhà nước.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
31.	Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Sở Nội vụ, các Sở, ngành có liên quan	Sở Nội vụ
32.	Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu; giám sát chất lượng tín dụng của TCTD, phần đầu duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3%. Tích cực triển khai giải pháp chuyển đổi mô hình kinh doanh của TCTD theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dịch vụ, tập trung vào hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng số	Chi nhánh NHNN	
33.	Quản lý chặt chẽ bội chi ngân sách; tăng cường kiểm tra, giám sát việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ; bảo đảm thanh toán nợ đúng hạn, chủ động thực hiện giải pháp cơ cấu lại nợ công theo quy định.	Sở Tài chính	
34.	Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, giải thể đối với quỹ hoạt động không hiệu quả theo tinh thần của Nghị quyết 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Sở Tài chính	
4.	Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại		

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
35.	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, tăng cường kết nối vùng, địa phương, nhất là công trình hạ tầng giao thông quan trọng.	Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, TX, TP	Sở Giao thông vận tải
36.	Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình điện	Sở Công Thương, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Công Thương
37.	Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ thông tin mở rộng đầu tư nội dung số trong các ngành công nghiệp và dịch vụ như: công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp an toàn, an ninh mạng...	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP
38.	Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là công trình thủy lợi, cảng cá, trung tâm nghề cá lớn, khu neo đậu tránh trú bão; dự án hạ tầng phòng, chống thiên tai, chống sạt lở thích ứng biến đổi khí hậu. Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, phấn đấu số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP
39.	Khuyến khích phát triển hạ tầng thương mại gắn với đa dạng hóa mô hình phân phối hiện đại, hạ tầng bưu chính, viễn thông, logistics; đẩy mạnh phân phối qua thương mại điện tử, phương thức thanh toán thông minh, tạo thuận lợi cho truy xuất nguồn gốc, bảo đảm hàng hóa chất lượng, giá cả cạnh tranh.	Các Sở: Công Thương, Thông tin và TT, Giao thông vận tải	Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP
40.	Quan tâm hoàn thiện hạ tầng xã hội (y tế, văn hóa, giáo dục), nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, bảo đảm an sinh xã hội.	Các Sở Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Lao động-TB và XH	Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
5.	Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo		
41.	Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong dạy và học, hoàn thiện hình thức tổ chức dạy và học phù hợp với tình hình dịch bệnh. Đưa học sinh trở lại trường gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, TX, TP	Sở Giáo dục và Đào tạo
42.	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo lộ trình. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, triển khai công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3-4 tuổi ở nơi có điều kiện. Quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, khát vọng cống hiến, kỹ năng sống, kiến thức pháp luật, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng xã hội học tập. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; giải quyết hiệu quả, cơ bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ.	Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Giáo dục và ĐT
43.	Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề thích ứng với điều kiện sản xuất mới, đáp ứng yêu cầu phục hồi, tái cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững. Hỗ trợ đào tạo cho người lao động trong DNNVV, đối tượng chính sách khác. Phấn đấu tỉ lệ lao động qua đào tạo, tỉ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt kế hoạch đề ra	Sở Lao động-TB và XH, Trường Cao đẳng nghề, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH
44.	Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển KH-CN cho hoạt động đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ; tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học và CN	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
45.	Đẩy mạnh việc xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN, nhanh chóng đưa kết quả nghiên cứu KHCN vào ứng dụng trong thực tế. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN.	Sở Khoa học và CN, các Sở, ngành có liên quan	Sở Khoa học và CN
6.	Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch		
46.	Đẩy nhanh tiến độ lập và trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Sở Kế hoạch và ĐT	
47.	Đẩy mạnh liên kết vùng, tiểu vùng trên các lĩnh vực	Sở Kế hoạch và ĐT, các Sở, ngành có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
48.	Đẩy mạnh triển khai các quy hoạch, kế hoạch, đề án về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh. Phát triển hệ thống đô thị, xây dựng nông thôn mới, gắn với quá trình đô thị hóa.	Sở Xây dựng, UBND các huyện, TX, TP	Sở Xây dựng
49.	Rà soát, phân bố, tổ chức lại không gian phát triển các ngành, lĩnh vực hài hòa, hợp lý giữa đô thị và nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, phát triển nhanh kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, các ngành công nghiệp động lực và dịch vụ có sức cạnh tranh.	Sở Xây dựng, UBND các huyện, TX, TP	Sở Xây dựng
7.	Phát triển văn hóa, thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội; phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam		

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
50.	Triển khai hiệu quả Kết luận chỉ đạo của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc, Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác gia đình. Phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, thực sự trở thành động lực, sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển bền vững. Tổ chức phù hợp các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội, nghệ thuật biểu diễn, bảo đảm an toàn dịch bệnh. Tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng gia đình tiến bộ, ấm no, hạnh phúc.	Sở Văn hóa, TT và DL, UBND các huyện, TX, TP	Sở Văn hóa, TT và DL
51.	Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; thực hiện chi trả trợ cấp người có công, trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH
52.	Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết Nguyên Đán. Hỗ trợ kịp thời về lương thực, trợ nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội, thực hiện đăng ký hưởng và chi trả điện tử chính sách trợ giúp xã hội gắn với dịch vụ công trực tuyến.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động- TB và XH
53.	Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách giảm nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt kế hoạch đề ra. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông để huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người nghèo.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động- TB và XH

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
54.	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường giám sát, xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh, mở rộng bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện, nâng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế. Phấn đấu giảm số đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, giảm tình trạng trốn đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội.	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và XH, UBND các huyện, TX, TP	Bảo hiểm xã hội tỉnh
55.	Triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả chính sách hỗ trợ người lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; hỗ trợ người lao động vay vốn giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong bối cảnh mới, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH
56.	Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH
57.	Thực hiện tốt chính sách phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân	Sở Xây dựng	
58.	Thực hiện hiệu quả chính sách pháp luật, chương trình, đề án lĩnh vực trẻ em. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em; chú trọng phát triển toàn diện trẻ em đến 8 tuổi, đặc biệt giai đoạn 36 tháng đầu đời. Chủ động thực hiện giải pháp phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm, giảm tai nạn, thương tích ở trẻ em; giảm thiểu lao động trẻ em. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục kiến thức pháp luật, kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em.	Sở Lao động-TB và XH, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
59.	Thực hiện hiệu quả Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2030. Thí điểm mô hình hỗ trợ, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới tại phường, xã, tổ dân phố.	Sở Lao động-TB và XH, Sở Nội vụ, UBND các huyện, TX, TP	Sở Lao động-TB và XH
60.	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào vị trí quản lý, lãnh đạo	Các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ
61.	Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là củng cố, hoàn thiện và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, khoa học công nghệ trong quản lý và khám, chữa bệnh. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh	Sở Y tế	
62.	Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, an toàn thực phẩm, quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, an toàn; chú trọng đến đối tượng là hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ.	Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Y tế
63.	Chuẩn bị điều kiện để tổ chức thành công các ngày Lễ lớn, sự kiện văn hóa, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an toàn dịch bệnh.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
64.	Tiếp tục thực hiện tốt công tác dân tộc, tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.	Ban Dân tộc, các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Ban Dân tộc

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
65.	Tiếp tục thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; tạo điều kiện cho tổ chức tôn giáo tham gia tuyên truyền, vận động, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế, xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	Sở Nội vụ, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ
8.	Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu		
66.	Huy động, sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực từ đất đai, tài nguyên; chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió. Quản lý bền vững tài nguyên nước. Xây dựng tài nguyên số, dữ liệu số về tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai, quan trắc.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
67.	Chú trọng bảo vệ, phát triển các loại rừng, nâng độ che phủ rừng.	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nông nghiệp và PTNT
68.	Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường, phục hồi các hệ sinh thái. Khuyến khích phát triển dự án xanh, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đô thị, khu công nghiệp theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển cơ sở xử lý, tái chế chất thải, rác thải với mô hình công nghệ phù hợp. Phân đấu thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn. Phát triển hệ thống quan trắc, giám sát môi trường dựa trên giải pháp thông minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
69.	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo công tác khí tượng thủy văn, chủ động biện pháp phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
9.	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí		
70.	Hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị định của Chính phủ, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Sở Nội vụ, các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ
71.	Tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đôi với xác định vị trí việc làm và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong cơ quan hành chính các cấp; thực hiện tốt văn hóa, đạo đức công vụ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm khi có sai phạm.	Sở Nội vụ, các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
72.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo chuyển biến rõ nét trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử gắn với sắp xếp, tinh gọn đầu mối tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Sở Nội vụ, các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ
73.	Triển khai đầy đủ các nội dung kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính. Thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, quan tâm thực hiện tốt giải pháp phòng ngừa, tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ, cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường năng lực, tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực: quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý tài chính, ngân sách; đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai; quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản;... nhằm chấn chỉnh quản lý, phát hiện, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực.	Thanh tra tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Thanh tra tỉnh
74.	Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật vụ việc mới phát sinh và tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.	Thanh tra tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Thanh tra tỉnh
10.	Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội		
75.	Theo dõi, nắm chắc tình hình, tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ.	Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội biên phòng	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
76.	Triển khai đề án, kế hoạch về tăng cường tiềm lực quốc phòng kết hợp với phát triển KTXH; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.	BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội biên phòng	
77.	Triển khai đồng bộ giải pháp bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh công nhân. Tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, kiểm chế gia tăng tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội.	Công an tỉnh, Bộ đội biên phòng	
78.	Nâng cao hiệu quả quản lý xuất nhập cảnh, lưu trú, quản lý người nước ngoài, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ.	Công an tỉnh	
79.	Chú trọng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nông nghiệp và PTNT
11.	Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế		
80.	Quán triệt, triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước	Các Sở, ngành, địa phương	
81.	Triển khai nghiêm túc kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc. Đẩy mạnh, mở rộng hợp tác với các nước đang hợp tác đầu tư, tài trợ các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh, chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia khác phù hợp với yêu cầu, khả năng, điều kiện cụ thể.	Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ngành, địa phương	

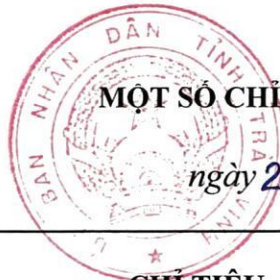
STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
82.	Thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa, bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài.	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng UBND tỉnh	
12.	Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội		
83.	Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh; chú trọng tuyên truyền về khát vọng phát triển địa phương, đất nước, cổ vũ mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài PT và TH Trà Vinh	
84.	Kịp thời đấu tranh phản bác quan điểm, tư tưởng sai trái; ngăn chặn các thông tin sai sự thật, xấu, độc; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm.	Sở Thông tin và Truyền thông	
85.	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền, tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã đề ra.	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở Nội vụ
86.	Xây dựng kế hoạch phấn đấu tăng thu nội địa bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025: 12%/năm.	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Cục Thuế tỉnh

Phụ lục II
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Phân đầu GRDP tăng trưởng từ 10-11% so với năm 2021	Cục Thống kê
2	GRDP bình quân đầu người đạt 70 triệu đồng (<i>tương đương 3.019 USD - tỷ giá quy đổi 1 USD = 23.200 đồng</i>).	Cục Thống kê
3	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 72% GRDP	Cục Thống kê
4	Phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội 30.000 tỷ đồng	Cục Thống kê
5	Phát triển mới 500 doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỷ lệ đô thị hóa đạt 30,92%.	Sở Xây dựng
7	Thu nội địa 5.183 tỷ đồng	Cục Thuế tỉnh
8	Có thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (<i>tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 95,29%</i>), 10 xã nông thôn mới nâng cao, <i>phần đầu ít nhất mỗi huyện có 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu trở lên</i> ; 01 – 02 huyện (Cầu Ngang, Duyên Hải) đạt chuẩn huyện nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Tỷ trọng lao động: trong nông nghiệp còn 38%; trong công nghiệp,	Cục Thống kê, Sở Nông nghiệp và PTNT,

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	xây dựng và dịch vụ chiếm 62% trong tổng lao động xã hội	Sở Lao động-Thương binh và XH
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,94%; trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35,94%. Tạo việc làm mới cho 23.000 lao động	Sở Lao động-Thương binh và XH
11	Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2,8%.	Sở Lao động-Thương binh và XH
12	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học. Tiểu học: 99,9%; trung học cơ sở: 98,6%.	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Có 25,27 giường bệnh/vạn dân; 9,4 bác sĩ/vạn dân.	Sở Y tế
14	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 90,08%	Bảo hiểm xã hội
15	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 15,79% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,5% lực lượng lao động xã hội.	Bảo hiểm xã hội
16	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 0,5% (trong đồng bào dân tộc Khmer giảm từ 1% trở lên)	Sở Lao động-Thương binh và XH
17	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99,5%.	Sở Công Thương
18	Có 99,2% dân cư thành thị; 99,8% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh (trong đó nước sạch 74,53%).	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 99,3%; tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn thải sinh hoạt: đô thị đạt 98,2%, nông thôn đạt 75-80%; tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý đạt 75% (6/8 cơ sở)	
20	Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,07% diện tích tự nhiên	Sở Nông nghiệp và PTNT
21	Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.	Công an tỉnh
22	Phần đầu 90% xã, phường, thị trấn và 95% cơ quan, đơn vị, nhà trường trở lên đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.	Công an tỉnh
23	Có trên 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng	BCH Quân sự tỉnh



Phụ lục III
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHỖ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: 162/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2022	Chỉ tiêu tỉnh năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô				
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3	< 3	Chi nhánh NHNN
2	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế) so với tổng chi cân đối NSDP	%	62,3	64	Sở Tài chính
3	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi cân đối NSDP	%	29,5	36	Sở Tài chính
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP/GRDP	%	Khoảng 35	42%	Cục Thống kê
II	Một số chỉ tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng				
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	7-8	16-17	Sở Công Thương
6	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	7-8	15-16	Sở Công Thương
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng				
7	Điện sản xuất	Tr Kwh	269.800-286.100	21.050	Sở Công Thương

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2022	Chỉ tiêu tỉnh năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	6-12,4	22,95	
8	Điện thương phẩm	Tr Kwh	245.800-250.400	1.115	Sở Công Thương
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	7,1-9,1	0,45	
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội				
9	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	90.000	900	Sở LĐ-TB vàXH
10	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	70	90	Sở Y tế
11	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	74,85	Sở Y tế
12	Tổng tỷ suất sinh (số con sinh ra sống bình quân trên một phụ nữ)	Con/phụ nữ	2,1	1,96	Sở Y tế
13	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,4	111,66	Sở Y tế
14	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,03	3,6	Sở Y tế
15	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	15,0	9,36	Sở Y tế
16	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	45,2	25	Sở Y tế
17	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	13,5	2,6	Sở Y tế
18	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	‰	20,0	3,1	Sở Y tế
19	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	11,0	5,0	Sở Y tế
20	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5	%	20,4	7,3	Sở Y tế

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2022	Chỉ tiêu tỉnh năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	tuổi (chiều cao/tuổi)				
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95	>95	Sở Y tế
22	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030	%	60	60	Sở Y tế
23	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	94	100	Sở Y tế
24	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80	>90	Sở Y tế
25	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	%	30	30	Sở Y tế
26	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	30	7	Sở Giáo dục và ĐT
27	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92	90	Sở Giáo dục và ĐT
28	Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	tỉnh	25	1	Sở Giáo dục và ĐT
29	Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	tỉnh	10	1	Sở Giáo dục và ĐT
30	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sỹ	%	32	8	Sở Giáo dục và ĐT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh				
31	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par-Index)	%	82	82	Sở Nội vụ
32	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính	%	86	90	Sở Nội vụ

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2022	Chỉ tiêu tỉnh năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	nhà nước (SIPAS)				
33	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đối với TTHC tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022.	%	100	100	Văn phòng UBND tỉnh
34	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đối với TTHC tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022.	%	100	100	Văn phòng UBND tỉnh
35	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương lên Cổng Dịch vụ công quốc gia tăng thêm so với năm 2021	%	20	20	Văn phòng UBND tỉnh
36	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	30	30	Văn phòng UBND tỉnh
37	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	60	60	Văn phòng UBND tỉnh
38	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	50	50	Văn phòng UBND tỉnh
39	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	100	Văn phòng UBND tỉnh

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2022	Chỉ tiêu tỉnh năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
40	Tỷ lệ hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ trạng thái trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá	%	100	100	Văn phòng UBND tỉnh
41	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng				
	<i>Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>	%	100	100	Sở Thông tin và TT
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	90	90	Sở Thông tin và TT
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	70	70	Sở Thông tin và TT
42	Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng	%	100	100	Sở Kế hoạch và Đầu tư



Phụ lục IV
DANH MỤC ĐỀ ÁN TRÌNH UBND TỈNH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số **162/QĐ-UBND**
ngày **20** tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
1.	Kế hoạch về kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2022.	Sở Nội vụ	Tháng 01/2022
2.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh năm 2022.	Sở Nội vụ	Tháng 01/2022
3.	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường đổi mới công tác dân vận trong tình hình mới	Sở Nội vụ	Tháng 01/2022
4.	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Trà Vinh năm 2022	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 01/2022
5.	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tỉnh Trà Vinh năm 2022.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 01/2022
6.	Quyết định ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế biển Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 01/2022
7.	Kế hoạch phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 01/2022
8.	Kế hoạch phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 01/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
9.	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Tháng 01/2022
10.	Kế hoạch phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2022	Công an tỉnh	Tháng 01/2022
11.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 194/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Quy định tạm thời nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ tự quản trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Tháng 01/2022
12.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”	Sở Công Thương	Tháng 01/2022
13.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2022	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 02/2022
14.	Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2022.	Sở Nội vụ	Tháng 02/2022
15.	Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Tháng 02/2022
16.	Kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ tỉnh Trà Vinh năm 2022	Sở Nội vụ	Tháng 02/2022
17.	Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh.	Sở Tư pháp	Tháng 02/2022
18.	Quyết định ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch Covid-19 đối với hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Tháng 02/2022
19.	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên năm 2022	Sở Nội vụ	Tháng 3/2022
20.	Quyết định ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 3/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
21.	Kế hoạch sơ kết đợt 01 phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (5/1992-5/2022)	Sở Nội vụ	Tháng 3/2022
22.	Kế hoạch sơ kết phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”	Sở Nội vụ	Tháng 3/2022
23.	Chương trình khoa học và công nghệ để chuyển đổi mô hình sản xuất hàng hóa phục vụ hiệp định thương mại tự do EVFTA	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 3/2022
24.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Ban Dân tộc	Tháng 3/2022
25.	Quyết định Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 3/2022
26.	Đề án tăng cường công tác kiểm tra giám sát khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 3/2022
27.	Đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tư pháp	Tháng 3/2022
28.	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống ISO điện tử tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 3/2022
29.	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống Cổng Dịch vụ công tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 3/2022
30.	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 3/2022
31.	Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp năm 2022	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 03/2022
32.	Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh	Sở Y tế	Tháng 3/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
33.	Nghị quyết quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tư pháp	Tháng 4/2022
34.	Quyết định thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tháng 4/2022
35.	Kế hoạch tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện cung cấp mức độ 4 năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 4/2022
36.	Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách TW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh TV	Ban Dân tộc	Tháng 4/2022
37.	Nghị quyết về phát triển thanh niên giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 5/2022
38.	<i>Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh</i>	<i>Sở Tài nguyên và MT</i>	<i>Tháng 5/2022 (sau khi Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị)</i>
39.	Nghị quyết Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 5/2022
40.	Kế hoạch số hóa, chuyển đổi, chuẩn hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tư pháp	Tháng 5/2022
41.	Quyết định ban hành quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 05/2022
42.	Quyết định điều chỉnh Giá dịch vụ thoát nước thải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Tháng 5/2022
43.	Quyết định ban hành quy định việc chuyển giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Tháng 6/2022
44.	Kế hoạch phát triển Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025	Sở Công Thương	Tháng 6/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
45.	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường năm 2022 và Tết Nguyên đán năm 2023	Sở Công Thương	Tháng 6/2022
46.	Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh theo hướng bền vững đến năm 2030 nhằm thu hút đầu tư, phát triển chất lượng doanh nghiệp theo kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6/2022
47.	Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2022
48.	Quyết định về việc ban hành Bảng đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2022
49.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2022
50.	Nghị quyết của HĐND về Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2022
51.	Nghị quyết của HĐND về Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2022
52.	Chỉ thị về chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Tháng 6/2022
53.	Quyết định ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 6/2022
54.	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 6/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
55.	Quyết định ban hành Quy định phân cấp sử dụng và quản lý cán bộ, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 6/2022
56.	Quyết định ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 6/2022
57.	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
58.	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
59.	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
60.	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
61.	Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
62.	Quyết định ban hành Kế hoạch Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “ <i>Chung sức xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025</i> ”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
63.	Quyết định phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2022 – 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
64.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
65.	Quyết định phê duyệt Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 6/2022
66.	Kế hoạch chuyển đổi số ngành y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Y tế	Tháng 6/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
67.	Chỉ thị về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7/2022
68.	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức qua Hệ thống phản ánh kiến nghị.	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7/2022
69.	Chỉ thị tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 7/2022
70.	Kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 8/2022
71.	Quyết định ban hành quy định tạm thời cho thuê dịch vụ môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8/2022
72.	Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8/2022
73.	Chương trình Khuyến nông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2023-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 8/2022
74.	Quyết định phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 08/2022
75.	Quyết định phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án phát triển trồng trọt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 08/2022
76.	Quyết định phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 08/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
77.	Quyết định phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 08/2022
78.	Quyết định phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 08/2022
79.	Quyết định phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 08/2022
80.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/03/2021 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9/2022
81.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9/2022
82.	Quyết định ban hành Đơn giá và định mức xây dựng đặc thù của địa phương	Sở Xây dựng	Tháng 9/2022
83.	Kế hoạch phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế biển trên địa bàn thị xã Duyên Hải	UBND TX Duyên Hải	Tháng 9/2022
84.	Quyết định ban hành “Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”	Sở Giao thông vận tải	Tháng 9/2022
85.	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 9/2022
86.	Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 9/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
87.	Quyết định Công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh năm 2023.	Sở Công Thương	Tháng 9/2022
88.	Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến năm 2030	Sở Xây dựng	Tháng 10/2022
89.	Đề án điều chỉnh địa giới hành chính huyện, xã mở rộng thành phố Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 10/2022
90.	Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Xây dựng	Tháng 11/2022
91.	Quyết định ban hành quy định về chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (thay thế Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015, Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 29/01/2019, Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015).	Sở Công Thương	Tháng 11/2022
92.	Nghị quyết phê duyệt tổng biên chế công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023	Sở Nội vụ	Tháng 11/2022
93.	Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2023	Sở Nội vụ	Tháng 11/2022
94.	Nghị quyết của HĐND về Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 11/2022
95.	Nghị quyết của HĐND về Danh mục các công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 11/2022
96.	Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 12/2022

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan trình	Thời gian hoàn thành
97.	Kế hoạch về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023	Sở Nội vụ	Tháng 12/2022
98.	Nghị quyết Ban hành quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2022
99.	Quyết định phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2035	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 12/2022
100.	Kế hoạch hành động thực hiện quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 của tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 12/2022
101.	Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 12/2022
102.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành NQ